

SÁU PHIÊN BẢN TRUYỆN KIỀU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÂN TÍCH NGUYÊN BẢN

John Balaban, Ngô Thanh Nhân, Ngô Trung Việt,
Vũ Xuân Lương, Lê Văn Cường, Lương Thị Hạnh,
Tô Trọng Đức, Ngô Thanh Giang
(*Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm, Mỹ và
Nhóm Nôm Na, Hà Nội*)

(Bản nháp)

Bài viết này trình bày một số nét chính về việc xây dựng Kho văn bản Truyện Kiều và đưa ra một số triển vọng trong việc nghiên cứu văn bản mà *Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm* và *Nhóm Nôm Na* đã thực hiện trong thời gian qua. Công việc này nhằm mục đích tạo hạ tầng cơ sở cho việc phục dựng lại nguyên tác Truyện Kiều, bảo tồn một di sản chữ Nôm điển hình trước nguy cơ bị mai một trong một xã hội đầy biến chuyển như hiện nay.

TÓM LƯỢC VỀ TRUYỆN KIỀU

- Truyện Kiều của Nguyễn Du (1765-1820) là một tác phẩm thơ kinh điển trong kho tàng văn học Việt Nam, cũng như trong kho tàng văn học thế giới, được dịch sang nhiều thứ tiếng bằng thơ và văn xuôi, và được xuất bản rất nhiều lần bằng tiếng Việt.
- Toàn bộ tác phẩm gồm 3254 câu (dòng), được viết bằng thể thơ lục bát, một thể thơ quen thuộc và gần gũi với ca dao của người Việt, có cốt truyện lấy từ một chuyện tình lãng mạn được viết cùng thời ở Trung Quốc của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân.
- Tác phẩm đã nêu lên một vấn đề lớn của xã hội đương thời về quan niệm sống, về trách nhiệm của mỗi người với chính bản thân mình, với xã hội, và những xung đột, mâu thuẫn về đạo lý làm người.
- Truyện Kiều được viết bằng chữ Nôm tượng hình chứ không phải bằng chữ quốc ngữ đương đại, thứ chữ viết đã thay thế chữ Nôm từ những năm đầu của thế kỉ 20.
- Từ trước đến nay không tồn tại bản nguyên tác Truyện Kiều nào của Nguyễn Du, vì tác phẩm này chưa từng được in ra, trừ một vài bản in khắc gỗ. Chắc bản nguyên tác đã bị thất lạc và khó có khả năng tìm lại được.
- Các nhà khảo cứu từ trước đến nay đều cố gắng so sánh, đối chiếu các văn bản có được, cân nhắc từng chữ từng ý với mục đích cuối cùng là tái dựng lên cho được một bản Kiều chuẩn, phục vụ cho việc giảng dạy thống nhất trong nhà trường, cũng như phục vụ cho đông đảo bạn đọc. Đó là một công việc hết sức nặng nhọc, nhưng cũng đầy ý nghĩa.

1. Xuất xứ tác phẩm

- Mặc dù Truyện Kiều được truyền miệng qua nhiều thế hệ của người Việt trên khắp mọi miền đất nước, nhưng rất ít người nhận thức được rằng Truyện Kiều không có 1 phiên bản chính thức nào bằng chữ Nôm do chính Nguyễn Du viết ra được lưu truyền lại.
- Trên thực tế, tất cả các tác phẩm Truyện Kiều đã được xuất bản trước đây, trong nước cũng như ngoài nước, không bao gồm phần chữ Nôm, dù vẫn biết đó là phần bản gốc để dịch ra chữ Quốc Ngữ. Tuy nhiên, một vài phiên bản học thuật xuất bản gần đây đã đính kèm theo phần tác phẩm bằng chữ Nôm được photo từ một bản in khắc gỗ đã từng lưu hành trong quá khứ.

2. Tính chính xác của phiên bản.

- Hiện nay có rất nhiều phiên bản Truyện Kiều được lưu hành. 6 trong số những phiên bản chữ Nôm lâu đời nhất khác nhau đến nỗi buộc phải đặt ra những câu hỏi thú vị về khía cạnh dịch thuật cũng như lĩnh vực văn chương.
- Những phiên bản này, cùng với sự khác biệt của chúng, có thể dễ dàng nhận ra từ những so sánh khá thú vị của các học giả, những nhà Kiều học đầy tâm huyết.
- Vậy làm cách nào để người phiên dịch có thể nhận biết được sự khác biệt về ngôn từ khi tiến hành công việc của mình?

SỰ HỖ TRỢ CỦA PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT

- Vào năm 2005, chúng tôi chọn ra 6 phiên bản của Truyện Kiều đáng được phân tích nhất đã được các nhà chuyên môn khảo cứu rất công phu.
- Chúng tôi đã xây dựng một cơ sở dữ liệu đầy đủ cho 6 phiên bản này bằng 3 loại chữ viết : chữ Nôm gốc, dịch ra chữ Quốc ngữ và dịch ra chữ tiếng Anh.
- Cuối cùng, chúng tôi cất giữ chúng dưới dạng XML (Extensible markup language – ngôn ngữ định dạng có đánh dấu) cùng với các chức năng tiếp cận WEB cho người sử dụng.

1. Phiên bản năm 1866

- Truyện Kiều năm 1866 là một phiên bản của Liễu Văn Đường, được Bảo tàng Khu lưu niệm Nguyễn Du ở Nghệ An tìm thấy.
- Từ bản photo do Bảo tàng Khu lưu niệm Nguyễn Du gửi tặng, Nguyễn Quảng Tuân, một trong những học giả hàng đầu về chữ Nôm và Truyện Kiều, đã thực hiện một cuộc khảo cứu về phiên âm, khảo dị và chú giải. Tác phẩm do Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản năm 2004.
- Bản Kiều năm 1866 này bị mất 18 tờ (36 trang), làm thiếu đi 864 câu (mỗi trang 24 câu) trong tổng số 3254 câu. Để bổ khuyết cho 36 trang bị mất, tác giả đã lấy 36 trang tương ứng từ bản Kiều khắc in năm 1871 để độc giả tiện tham khảo.

2. Phiên bản năm 1870

- Truyện Kiều năm 1870 do Lâm Noạ Phu sao chép khi đang làm quan ở bộ Công thời vua Tự Đức.
- Bản Kiều 1870 này vốn được lưu giữ ở Sài Gòn, sau được bán ở chợ sách và may mắn được một người con trai của ông Đàm Quang Hưng mua lại. Từ bản photo do ông Đàm Quang Hưng gửi tặng, ông Nguyễn Quảng Tuân đã thực hiện một cuộc khảo cứu về phiên âm, khảo dị và chú giải. Tác phẩm do Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản năm 2003.
- Phiên bản 1870 có 3260 câu, nhiều hơn 6 câu so với các phiên bản khác, cụ thể sự khác biệt này như sau:

- Thay nội dung của 4 câu 531, 532, 533, 534 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

531	Đem tin thúc phụ từ đường,	恍信叔父辭堂
532	Bơ vơ lữ thân tha hương đề huề.	巴爲旅殯他鄉提攜
533	Liêu Dương cách trở sơn Khê,	遼陽隔阻山溪
534	Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang.	椿堂急噲生術訃喪

bảng 6 câu:

531	<i>Mở xem thủ bút nghiêm đường,</i>	綱貼手筆嚴堂
532	<i>Nhấn rằng: “Thúc phụ xa đường mệnh chung.</i>	唸浪叔父賒塘命終
532a	<i>Hãy còn ký táng Liêu Đông</i>	唉群寄墓遼東
532b	<i>Cổ hương khơi diễn ngàn trùng sơn Khê</i>	故鄉濶演斬重山溪
533	<i>Rày đưa linh thần về quê</i>	梲迯靈襯衛圭
534	<i>Thế nào con cũng phải về hộ tang.”</i>	世市猥拱沛衛護喪

- Thiếu 2 câu 1217, 1218 (có ở các bản 1866, 1871, 1872, 1874, 1902)

1217	Gót đầu vâng dạy mây lời,	躡頭啣吡傘啞
1218	Dường chau nét nguyệt, đường phai vẽ hồng.	蒙珠涅月蒙派歷紅

- Thay nội dung của 2 câu 1827, 1828 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

1827	Sợ quen dám hở ra lời,	慄涓敢噉黜啞
1828	Khôn ngăn giọt ngọc sứt sùi nhỏ sa.	坤垠涑玉涑沫灑沙

bảng 4 câu:

1826a	<i>Thương ôi! Mạnh sắt vào lò</i>	傷喂媮鉄飽爐
1826b	<i>Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu?</i>	閉數脛別鞣紆典兜

1827	<i>Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,</i>	餒恚拯打齧疔
1828	<i>Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa</i>	當哄吶俸頰恟淚沙

- Thay nội dung của 2 câu 1893, 1894 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

1893	Những e lại luy đến nàng,	仍衣吏累典娘
1894	Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.	打料買仕扞塘哏查

bảng 4 câu:

1893	<i>Loanh quanh cua lột bò sàng</i>	躩扁蚺揸躡躡
1894	<i>Sợ dây thương đố hai đàng chưa xong</i>	憚低傷妬𠵼塘渚衝
1894a	<i>Dưới thêm, trên ghé cùng trông</i>	𠵼塘連椅拱靚
1894b	<i>Một lời chưa mở hai dòng đã sa</i>	沒啞渚𠵼𠵼涓𠵼沙

3. Phiên bản năm 1871

- Truyện Kiều năm 1871 là bản in khắc gỗ của Liễu Văn Đường, đời vua Tự Đức thứ 24, gồm 3254 câu.
- Từ bản photo của *Thư viện Liên trường Đại học ngôn ngữ Phương Đông* ở Paris (Bibliothèque Interuniversitaire des Langues Orientales), ông Nguyễn Quảng Tuân đã thực hiện một cuộc khảo cứu về phiên âm, khảo dị và chú giải. Tác phẩm do Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản năm 2002.

4. Phiên bản năm 1872

- Truyện Kiều năm 1872 là bản in khắc gỗ của Duy Minh Thị dưới thời vua Tự Đức.
- Hiện bản Kiều 1872 được lưu giữ một bản tại Thư viện Leiden, Hà Lan (Leiden Library, Holland, index 5803-6) và một bản tại thư viện riêng của gia đình cụ Hoàng Xuân Hãn ở Paris. Từ bản photo lại bản được lưu giữ tại thư viện của gia đình cụ Hoàng Xuân Hãn, giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, một học giả hàng đầu về chữ Nôm, đã thực hiện một cuộc nghiên cứu về phiên âm, khảo dị và chú giải. Tác phẩm được Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2002.
- Phiên bản 1872 có 3259 câu, nhiều hơn 5 câu so với các phiên bản khác:

1066a	QUẾ TRONG TRĂNG HẠNH TRÊN MÂY,	桂𦵇脰杏蓮邈
1066b	CÁT HỒNG NỮ ĐỀ CHO ĐÀY ĐOẠ HOA!	葛洪女底朱苔墮花
1066c	HỮU NHẤT THỀ VÂN:	又一体云
1072a	TIỆC ĐIỀU LÀM CHẴNG BIẾT TA	惜調啣庄別些
1072b	VỀ CHÂU VỚT NGỌC ĐỀ ĐÀ NHƯ CHƠI.	術珠撻玉易它如削

5. Phiên bản năm 1874

- Truyện kiều năm 1874 là phiên bản do Tăng Hữu Ứng chép tay dưới thời vua Tự Đức.
- Phiên bản này do Quang Hưng sưu tầm được tại Huế. Tiến sĩ Nguyễn Huy Hùng, MD, TEXAS phiên âm thành phiên bản điện tử năm 2002.
- Phiên bản 1874 có 3260 câu, nhiều hơn 6 câu so với các phiên bản khác, cụ thể sự khác biệt này như sau:
 - Thay nội dung của 4 câu 531, 532, 533, 534 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

531	Đem tin thúc phụ từ đường,	恍信叔父辭堂
532	Bơ vợ lữ thân tha hương đề huề.	巴爲旅殯他鄉提攜
533	Liêu Dương cách trở sơn Khê,	遼陽隔阻山溪
534	Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang.	椿堂急喚生術訃喪

bằng 6 câu:

531	<i>Mở xem thủ bút nghiêm đường</i>	攜拈手筆嚴棠
532	<i>Nhấn rằng thúc phụ xa đường mệnh chung</i>	唸浪叔父賒唐命終
532a	<i>Hãy còn ký táng Liêu Đông</i>	唉群寄葬遼東
532b	<i>Cố hương khơi diễn ngàn trùng sơn Khê</i>	故鄉濶演蕲重山溪
533	<i>Rày đưa linh tẫn về quê</i>	晷迢靈殯衛圭
534	<i>Thế nào con cũng phải về hộ tang</i>	世市昆拱沛衛護喪

- Thay nội dung của 2 câu 1827, 1828 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

1827	Sợ quen dám hở ra lời,	憚涓敢嘖黜啞
1828	Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.	坤垠涑玉涑涑灑沙

bằng 4 câu:

1826a	<i>Thương ôi, mảnh sắt vào lò</i>	傷喂媼鉄飽爐
1826b	<i>Bấy lâu nay biết dầy vò đến đâu</i>	閉婁脛別鞋圩典輿
1827	<i>Nỗi lòng chẳng đánh mà đau</i>	掇悉庄打麻疔
1828	<i>Đương cười nói bỗng mặt rầu giọt sa</i>	當唶呐俸賴恸淚沙

- Thay nội dung của 2 câu 1885, 1886 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

1885	Sớm khuya hầu hạ đài doanh,	彘麤候下臺葢
1886	Tiểu thư chặm mặt, đề tình hỏi tra.	小姐攪賴提情哂查

bảng 4 câu:

1885	<i>Sớm khuya hầu hạ đài doanh</i>	歛 彘 侯 下 臺 營
1885a	<i>Nét sầu khôn cưỡng lệ tình khôn ngăn</i>	湟 愁 坤 強 淡 情 群 垠
1885b	<i>Ra vào thui thủi chiếc thân</i>	囉 匄 退 退 隻 身
1886	<i>Tiểu thư trông mặt xa gần hỏi tra</i>	小 姐 睜 耑 賒 近 噉 查

6. Phiên bản năm 1902

- Truyện Kiều năm 1902 là bản in khắc gỗ do Kiều Oánh Mậu chú giải dưới thời vua Thành Thái.
- Phiên bản này do Nguyễn Thê & Phan Anh Dũng sưu tầm, khảo chú và chế bản Nôm trên cơ sở một phong chữ tự tạo ra.
- Bản in chữ Nôm được Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Đình Thàng hiệu đính. Tác phẩm được Nhà xuất bản Thuận Hoá xuất bản năm 2004.
- Phiên bản 1902 có 3256 câu, nhiều hơn 2 câu so với các các phiên bản khác, cụ thể như sau:

- Thay nội dung của 4 câu 531, 532, 533, 534 (có ở các bản 1866, 1871, 1872)

531	Đem tin thúc phụ từ đường,	恍 信 叔 父 辭 堂
532	Bơ vơ lữ thân tha hương đề huề.	巴 爲 旅 殯 他 鄉 提 携
533	Liêu Dương cách trở sơn Khê,	遼 陽 隔 阻 山 溪
534	Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.	椿 堂 急 吟 生 術 訃 喪

bảng 6 câu:

531	<i>Mở xem thủ bút nghiêm đường</i>	嫻 貼 手 筆 嚴 堂
532	<i>Nhấn rằng thúc phụ xa đường mệnh chung</i>	唸 浪 叔 父 賒 塘 命 終
532a	<i>Hãy còn ký táng Liêu Đông</i>	唉 群 寄 葬 遼 東
532b	<i>Cố hương khơi diễn ngàn trùng sơn Khê</i>	故 鄉 濶 演 蕲 重 山 溪
533	<i>Rày đưa linh sán về quê</i>	曷 迢 灵 櫬 術 圭
534	<i>Thế nào con cũng phải về hộ tang</i>	世 市 琨 拱 沛 術 護 喪

PHÂN TÍCH NGUYÊN BẢN

- Rút trích ra bảng tần số xuất hiện của tất cả các chữ Nôm có mặt trong 1 phiên bản, hoặc trong tất cả các phiên bản.

Tần số của chữ *Nom Kieu 1872*

chu nom	tan so
文	312
厄	275
娘	207
寻	204
恁	176
朱	175
拱	174
罨	174
啞	163
浪	161
尼	151
史	146
黜	137
花	133
情	130
買	127
時	126

Nom	QN	câu số
恁	lòng	4
恁	lòng	13
恁	lòng	15
恁	lòng	81
恁	lòng	129
恁	lòng	130
恁	lòng	131
恁	lòng	160
恁	lòng	183

頭恁仁恁素娥

Đầu lòng hai ả tố nga,

Record: 3 of 176

- Rút trích ra bảng tần số xuất hiện của tất cả các chữ Quốc ngữ có mặt trong 1 phiên bản, hoặc trong tất cả các phiên bản.

Tần số của chữ *Nom Kieu 1871*

quoc ngu	tan so
một	325
đã	271
người	228
nàng	203
cũng	175
lòng	175
cho	172
là	171
lời	169
có	162
rằng	158
ra	154
lại	151
hoa	134
trình	129
thì	122
mới	119

QN	Nom	câu số
người	𠵼	1
người	𠵼	18
người	𠵼	67
người	𠵼	88
người	𠵼	89
người	𠵼	90
người	𠵼	91
người	𠵼	94
người	𠵼	106

沒𠵼沒𠵼進分院進

MỘT người một vẻ mười phân vẹn mười.

Record: 2 of 228

- So sánh từng dòng, chỉ ra số dòng giống nhau hoặc khác nhau (cả về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ) giữa các phiên bản.

a. Giống nhau về chữ Nôm:

Câu	1871	1872
5	選之彼喬斯豐	選之彼喬斯豐
6	忝撐涓貝騰紅打慳	忝撐涓貝騰紅打慳
8	風情固錄群傳史撐	風情固錄群傳史撐
9	浪辭嘉靖朝明	浪辭嘉靖朝明
11	固茹員外戶王	固茹員外戶王
15	頭悉訖姪素娥	頭悉訖姪素娥
16	翠翹罽姊媵罽翠雲	翠翹罽姊媵罽翠雲
21	花嘒玉說端莊	花嘒玉說端莊
38	墻東蜂虻趁術默埃	墻東蜂虻趁術默埃
41	韜嶽撐羨躡忝	韜嶽撐羨躡忝
47	習耀才子佳人	習耀才子佳人

Record: 1 of 578

b. Giống nhau về chữ Quốc Ngữ:

Câu	1871	1872
1	Trăm năm trong cõi người ta,	Trăm năm trong cõi người ta,
4	Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng.	Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng.
5	Lạ gì bí sắc tư phong,	Lạ gì bí sắc tư phong,
6	Trời xanh quen VỚI má hồng đánh ghen.	Trời xanh quen VỚI má hồng đánh ghen.
8	Phong tình có lục còn truyền sử xanh.	Phong tình có lục còn truyền sử xanh.
10	Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.	Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng
11	Có nhà Viên ngoại họ Vương,	Có nhà viên ngoại họ Vương,
12	Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.	Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
13	Một trai con thứ rất lòng,	Một trai con thứ rất lòng,
14	Vương Quan là chữ nổi dòng nho gia.	Vương Quan là chữ nổi dòng nho gia.
15	Đầu lòng hai ả tố nga,	Đầu lòng hai ả tố nga,
16	Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.	Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.
17	Mai cốt cách, tuyết tinh thần,	Mai cốt cách tuyết tinh thần,

Record: 1 of 2111

c. Khác nhau về chữ Nôm:

Câu	1871	1872
13	艾耒規次粹悉	艾耒規次率悉
14	王覲罽苻緩泐儒家	王覲罽苻緩泐儒家
17	枚骨格雪精神	梅骨格雪精神
18	茂得茂厖迥分院迥	茂得茂厖迥分院迥
19	雲祐莊重恪瀉	雲祐莊重恪瀉
20	姿丰苔焯濕蜚艾曩	姿丰苔焯濕蜚艾曩
22	霽誇浩邈雪讓牟肢	霽誇浩邈雪讓牟肢
23	翹祐色稍漫瀝	翹祐色稍漫麻
24	芻皮才色吏罽分欣	芻皮才色吏罽分欣
25	滿秋水涅春山	香秋水疳春山

Record: 1 of 2646

dòng: 4 chữ 1 chữ 2 chữ 3 chữ 4 chữ 5 chữ 6 chữ 7 chữ 8

Phiên bản 1866:	<p>卮 ĐÃ</p> <p>仍調韞覓卮疴疽悉 Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng.</p>	Phiên bản 1870:	<p>麻 MÀ</p> <p>仍調韞覓麻疴疽悉 Những điều trông thấy MÀ đau đớn lòng.</p>
Phiên bản 1871:	<p>卮 ĐÃ</p> <p>仍調韞覓卮疴疽悉 Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng.</p>	Phiên bản 1872:	<p>卮 ĐÃ</p> <p>仍調韞覓卮疴疽悉 Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng.</p>
Phiên bản 1874:	<p>麻 mà</p> <p>仍調韞覓麻疴疽悉 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng</p>	Phiên bản 1902:	<p>卮 ĐÃ</p> <p>仍調韞覓卮疴疽悉 Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng</p>

- Chỉ ra sự xuất hiện của những chữ được xem là dị huý theo định lệ kiêng huý dựa vào danh sách được lập sẵn.

Ví dụ, dựa vào Những định lệ và Danh sách chữ kiêng huý thời Tự Đức (Tham khảo: Ngô Đức Thọ; Chữ huý Việt Nam qua các triều đại. Nxb Văn Hoá; 1997)

1	Kim	淦
2	Hoàng	潢
3	Nguyên	源
4	Thái	溱
5	Tần	瀕
6	Cần	勤
7	lan	瀾
8	Ngạn	彦
9	Chu	峯
10	Tùng	松
11	Thụ	澍
12	Vượng	王
13	Khoát	濶
14	Hiếu	曉
15	Thuần	淳
16	Hân	昕
17	Cồn	隄

18	Cụ	棋
19	Noãn	暖
20	Ánh	暎
21	Chủng	種
22	Kiểu	咬
23	Đảm	膽
24	Tuyên	暎
25	Dung	融
26	Miên	綿
27	Tông	宗
28	Giai	佳
29	An	安
30	Viên	園
31	Đôi	堆
32	Lĩnh	領
33	Đặc	特
34	Quyền	權

35	Thư	書
36	Dung	容
37	Trừ	除
38	Kiến	鏡
39	Hoàn	環
40	lan	蘭
41	Đang	璫
42	Kính	敬
43	Thật	實
44	Hoa	華
45	Cầu	球
46	Hạo	浩
47	Hằng	恒
48	Thì	時
49	Hồng	洪
50	Nhậm	任

Chúng ta có thể tìm ra được những hợp trường khắc (viết) khác biệt. Xin đơn cử 2 chữ 華 hoa và 時 Thì:

Nôm	Quốc ngữ	1866	1870	1871	1872	1874	1902
華	hoa	0	華 (1)*	0	華 (3), 匕 (1)	0	華 (1)
時	thì	0	時 (54)	辰 (1), 又 (1)	時 (1) 时 (5)	時 (2)	0

Ví dụ:

- 1870:** 斂秋薄命沒蕞才華 Nghìn thu bạc mệnh một đời tài **hoa** (câu 416)
 報朱蔭浩水潮沚泐 **Thì** cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi (câu 3082)
- 1872:** 時易再世相逢 **Thì** rày tái thế tương phùng (câu 3039)
 斂秋薄命沒蕞才華 Nghìn thu bạc mệnh một đời tài **hoa** (câu 416)
- 1902:** 沒浪華嶽沒浪歸雲 Một rằng **Hoa** Nhạc một rằng Quy Vân (câu 478)
 沒情時落台情時牢 Một tình **thì** chớ hai tình **thì** sao (câu 860)

Tim ra những trường hợp được thay bằng 1 chữ khác với âm đọc khác. Xin đơn cử chữ 任 (Nhậm)

Nôm	Quốc ngữ	1866	1870	1871	1872	1874	1902
任	nhậm	0	宰 (1) 調 (2)	0	0	0	0

Ví dụ

1870:

- 哪咄外宰臨淄 Vâng ra ngoại **tể** Lâm Tri (câu 2873)
 金盼改調南平 Kim nay cải **điều** Nam Bình (câu 2949)
 弘王拱改調城淮陽 Chàng Vương cũng cải **điều** thành Duy Dương (câu 2950)

- Chỉ ra chữ thay thế chữ lặp lại ngay sau một chữ bất kì theo dạng láy hoặc không theo dạng láy (lặp lại ngẫu nhiên) ở 3 phiên bản 1866, 1871, 1872.

- o Phiên bản 1866 dùng “又” để thay thế chữ lặp lại:

- | | | |
|------|----------|--|
| 1815 | 皮外噠又呐嗤 | Bề ngoài thon thót nói cười |
| 900 | 爆湄退又圭馱沒身 | Nắng mưa thui thui quê người một thân |
| 1189 | 房積又仍溪沫 | Buồng riêng riêng những sục sùi |
| 910 | 觔歪審又時又愧又 | Góc trời thăm thăm ngày ngày dăm dăm |

- o Phiên bản 1871 dùng chữ “又” và chữ “匕” để thay thế chữ lặp lại:

* Số lần xuất hiện.

241	軒斜攔膝征又	Hiên tà gác bóng chênh chênh ,
242	溪積又鄭學積沒命	Nỗi riêng riêng trạnh tác riêng một mình.
723	愜媿乚固紹啞	Cậy em, em có chịu lời,
744	覓覓乚臉時哈姉術	Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

○ Phiên bản 1872 dùng chữ “又” và chữ “乚” để thay thế chữ lặp lại:

2159	呂自落跣又跣	Lữ từ lạc bước bước ra,
2248	龟疔昆相方歪究又	Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm .
449	暈朦絨乚钟歪	Vàng trắng VẶC vặc giữa trời,
450	丁寧仝賴艾啞双乚	Đình ninh hai MẶT một lời song song .
618	身群渚惜乚之且綠	Thân còn CHẢ tiếc tiếc gì đến duyên!

Ngoại lệ là trong cả 3 phiên bản, ở một số câu có chữ lặp lại nhưng vẫn không dùng chữ thay thế:

(1886)	121	泐泐靚祿搽核	Ào ào đổ lộc ĐƯA cây,
	124	躡鞞曾跣濛印停停	Dấu giày từng bước RÊU IN rành rành .
	3236	天年弋弋官堵各吝	THIÊN NIÊN dằng dặc quan giai lần lần
(1871)	121	泐泐靚祿搽核	Ào ào đổ lộc ĐƯA cây,
	124	躡鞞曾跣濛印停停	Dấu giày từng bước RÊU IN rành rành .
	3236	千年弋弋官堵吝又	THIÊN NIÊN dằng dặc quan giai lần lần
(1872)	229	嗒嗒削瑪淡仙	NGÀY ngày chơi mã Đạm Tiên
	1617	夕朱朱瘦朱迷	"Làm cho cho mệt cho mê,
	2047	扇唧面献冷冷	Rày vâng diện hiên rành rành ,

SỰ CẢI THIỆN TRONG TƯƠNG LAI

- Trên cơ sở lắng nghe những ý kiến từ phía các nhà nghiên cứu, bổ sung thêm những yêu cầu, cách thức phân tích nguyên bản nào cần thiết cho quá trình nghiên cứu văn bản Truyện Kiều.
- Chỉ ra 1 âm quốc ngữ được dùng để phiên cho bao nhiêu chữ Nôm trong tất cả các phiên bản.

Chúng tôi hi vọng, với các ứng dụng bổ sung này có thể đem lại cho các nhà Kiều học một hứng thú mới trong việc nghiên cứu của mình.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Quảng Tuân. 2004. *Nguyễn Du, Truyện Kiều - Bản Nôm cổ nhất 1866 mới phát hiện*. Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Nguyễn Quảng Tuân. 2002. *Nguyễn Du, Truyện Kiều - Bản Nôm cổ nhất, Liễu Văn Đường 1871*. Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Nguyễn Quảng Tuân. 2003. *Nguyễn Du, Truyện Kiều - Bản kinh đời Tự Đức 1870*. Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Nguyễn Tài Cẩn. 2002. *Tư liệu truyện Kiều - Bản Duy Minh Thị 1872*. Nxb Đại học Quốc gia.
- Quang Hưng sưu tầm - Nguyễn Huy Hùng phiên âm. 2002. *Đoạn trường tân thanh 1874*.
- Nguyễn Thế - Phan Anh Dũng. 2004. *Nguyễn Du, Truyện Kiều chữ Nôm*. Nxb Thuận Hoá.
- Ngô Đức Thọ. 1997. *Nghiên cứu chữ huy Việt Nam qua các triều đại*. Nxb Văn hoá.